TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **436**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 09-6-2023 V/v Tranh chấp ly hôn	*Bình Chánh, ngày 27 tháng 6 năm 2023*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ. (Bà C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: A ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà và ông Nguyễn Ngọc L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2019 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2019). Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, hòa hợp, hai vợ chồng thương yêu, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2022 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhan của những mâu thuẫn là hai người không cùng quan điểm sống, không hợp nhau và chúng tôi đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ những lý do trên, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 25/6/2019. Bà để cho ông L nuôi con và bà không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể, bà sẽ lo cho con theo khả năng của mình, bà xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim C bắt đầu chung sống vào năm 2018, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B vào ngày 27/6/2019. Thời gian đầu, ông và bà C chung sống bình thường, cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, hay cãi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C chung sống có một con chug là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 25/6/2019. Khi phát sinh mâu thuẫn bà C bỏ nhà đi nhiều lần để con lại cho ông nuôi từ năm 2021 cho đến nay. Nguyện vọng của ông được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà C không có tài sản chung, không có tranh chấp gì.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L. Bị đơn có nơi cư trú tại A ấp C, xã A, huyện B, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và bị đơn ông Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cấp ngày 27/6/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Theo trình bày của bà C và ông L thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý ly hôn với bà C.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự xác nhận của bà C và ông L thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà C và ông L đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà C yêu

cầu ly hôn đối với ông L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà C và ông L cùng xác nhận chung sống có một con chung tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 25/6/2019. Hiện cháu V đang ở với ông L. Khi ly hôn bà C có nguyện vọng giao cháu V cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng và ông L cũng đồng ý.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình V cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7.2] Về cấp dưỡng: Ông L không có yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con; còn bà C cũng có nguyện vọng không cấp dưỡng, sẽ lo cho con theo khả năng, bà C xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ theo quy định tại Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà C.

[8] Về tài sản chung: Bà C và ông L đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà C và ông L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Ngọc L chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Ngọc L cùng xác nhận chung sống có một con chung tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 25/6/2019; hiện cháu Nguyễn Đình V đang ở với ông Nguyễn Ngọc L. Giao con chung tên Nguyễn Đình V

cho ông Nguyễn Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Bà Nguyễn Thị Kim C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà C đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0042807 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và bị đơn ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã An Phú Tây, H. Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm

